

Số: 221 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Quyết định số 3970/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Fenixmark Electronics Việt Nam do Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam làm chủ đầu tư tại nhà xưởng W2B, lô đất CN4.2B, Khu công nghiệp Đình Vũ và lô đất CN2B, Khu công nghiệp Deep C2B, phường Đông Hải 2, quận Hải An;

Xét Văn bản số 812/CV-FEVN ngày 08/12/2022 của Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 301222/CVCSBS ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án "Fenixmark Electronics Việt Nam" tại lô đất CN2B, Khu công nghiệp và dịch vụ hàng hải (Deep C2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam, địa chỉ tại lô đất CN2B, Khu công nghiệp và dịch vụ hàng hải (DeepC 2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Fenixmark Electronics Việt Nam tại lô đất CN2B, Khu công nghiệp và dịch vụ hàng hải (DeepC 2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Fenixmark Electronics Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất CN2B, Khu công nghiệp và dịch vụ hàng hải (DeepC 2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 5450244111 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 16/9/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 16/3/2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201983952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19/9/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21/9/2021.

1.4. Mã số thuế: 0201983952

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ điện dân dụng (tông đơ điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 10.000 m².

- Quy mô, công suất: 1.500 tấn/năm (tương đương 3.000.000 chiếc/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(từ ngày 18. tháng 01. năm 2023 đến ngày 18. tháng 01. năm 2030).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH Fenixmark Electronics VN;
- Công ty CP công nghiệp Hồng Đức;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 311./GPMT-BQL ngày 13 tháng 04 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Fenixmark Electronics Việt Nam và Công ty TNHH Deep C Blue đã ký hợp đồng tiện ích nước số DCB/DCBC/CON-EN-VN-2021.4 ngày 13/4/2021, theo đó nước thải từ Dự án sẽ tạm thời được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ theo sự cho phép của Bộ tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) khi khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại (03 bể tự hoại, tổng dung tích 43m³). Toàn bộ nước thải sau bể tự hoại, nước thải tại bồn, chậu rửa tay được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm. Cuối cùng được thu gom về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp Deep C2B, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) khi khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của dự án:

+ Nước thải khu vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải tại bồn, chậu rửa tay → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí 1 → Ngăn thiếu khí 2 → Ngăn hiếu khí → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp Deep C2B → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ/Khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) (khi khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm với công nghệ xử lý là sinh học kết hợp với khử trùng đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý của Dự án đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) (khi khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 43 m³ tại khu nhà xưởng và nhà bảo vệ.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 20 m³/ngày.đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung 20 m³/ngày;

- Nước thải tại hố ga cuối của Công ty thải vào hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) trước khi dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu công nghiệp Đình Vũ (nước thải từ khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) tạm thời được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo 05 mẫu tổ hợp trong 75 ngày của giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý; 07 mẫu đơn trong 07 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) (khi khu công nghiệp DeepC 2B xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (DeepC 2B) (khi khu công nghiệp DeepC 2B xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 221/GPMT-BQL ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):****1.1. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị, đảm bảo hệ thống thông gió hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thông gió nhà xưởng, đảm bảo hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống thông gió nhà xưởng.

3.3. Công ty cam kết chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 222/GPMT-BQL ngày 17 tháng 01 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh: Khu vực máy nén khí

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ X(m) = 2301078; Y(m) = 607652
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ đến 21 giờ	21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121./GPMT-BQL ngày 17 tháng 01 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Số lượng CTNH (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải.	3	Rắn	08 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	12	Rắn	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	15,5	Rắn	16 01 12
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18	Rắn	18 02 01
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	18	Lỏng	17 01 06
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	30	Rắn	18 01 03
7	Bao bì kim loại cứng thải	30	Rắn	18 01 02
8	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại (Sản phẩm lỗi chứa TPNH)	750	Rắn	19 03 01
Tổng		876,5		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bao bì carton, nylon, nhựa phế liệu, bùn thải nạo vét định kỳ tại hệ thống xử lý nước thải,.....: khoảng 795 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 3.689,4 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5, Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 12,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông, công trình phòng chống sự cố rò rỉ chất thải dạng lỏng ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 24,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 4, Điều 33, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 20 - 240 lít có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 221./GPMT-BQL ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.

